TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2026
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Bùi Thị Liên**, Cán bộ Hưu trí xã Tân Lạc.

Bà **Đinh Thị Phong**, Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Thanh Tâm**, Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Bùi Quang Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 167/2025/TLST- HNGĐ ngày 26/11/2025 về "*Ly hôn*,, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 19/01/2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **PHẠM THỊ O,** sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm Q, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là xóm Q, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ*).

Hiện ở: Thôn T, xã H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (*Nay là Thôn TL, xã VL, tỉnh Thanh Hóa*).

2. Bị đơn: **An**h **Bùi Văn Du**, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm Q, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là xóm Q, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 26/11/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D kết hôn năm 2014, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện ; có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ)* Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ chồng tại Xóm Q, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là xóm Q, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ*).

Thời kỳ đầu hôn nhân cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn với nhà chồng. Nên vợ chồng chị chuyển vào Bình Dương làm ăn sinh sống nhưng vợ chồng vẫn không hạnh phúc mà thường xuyên cãi vã; Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp; anh D không quan tâm chăm lo cho vợ con, tính cách trái ngược, khác biệt nhau về quan điểm sống, lối sống cũng như cách nuôi dạy con; chị đã khuyên giải nhiều lần để vợ chồng thay đổi để có cuộc sống hạnh phúc như bao người khác nhưng anh D vẫn không thay đổi; Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, đánh cãi, chửi nhau khiến cuộc sống hết sức nặng nề ; không thể chịu đựng hơn chị đã ôm con bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thanh Hóa và hy vọng anh D sẽ dần thay

đổi. Nghe nói anh D cũng đã về quê sinh sống nhưng không quan tâm đến mẹ con chị. Đến nay. nhận thấy: Có cố kéo dài thì cũng không còn cơ hội đoàn tụ; Tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị làm đơn xin ly anh Bùi Văn D để giải phóng cho nhau.

Về con chung : Quá trình chung sống, chị và anh Bùi Văn D cớ 02 con chung là: Bùi Thị KH, sinh ngày 05/5/2012 và Bùi Thị KA, sinh ngày 27/10/2019. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con, chị chưa yêu cầu anh Du đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Con chị hiện nay đang sinh sống cùng chị và gia đình nhà Ngoại tai thôn TL, xã VL, tỉnh Thanh Hóa. chị đã chuyển khẩu và cho các con ăn học đầy đủ tại quê ngoại. chị hiện làm tự do tai Hà Nội; thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng đủ để chị sinh sống và nuôi dạy con; chị và gia đình nhà Ngoại có đất đai nhà cửa ổn định, có môi trường sống tốt đảm bảo nuôi dạy các con trưởng thành trở thành người tốt.

Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có. Về án phí: Nguyên đơn: chị O xin tự nguyện chịu toàn bộ.

2. Vì phía bị đơn anh Bùi Văn D đã nhận được các thông báo theo quy định của pháp luật; Toà thông qua điện thoại có gặp, thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ cho anh; anh cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong đó có cả phần lỗi của chị O ; anh cũng đã cùng chị O nói chuyện để nhằm vun đắp tình cảm vợ chồng, không muốn gia đình tan vỡ nhưng chị O nhất quyết và làm đơn xin ly hôn anh vì thế anh không muốn níu kéo nữa mà đồng ý Ly hôn để giải phóng cho nhau. Về con chung: Có 02 con như chị O đã khai; Hiện chị O đã đưa cả 02 con về quê ngoại sinh sống và học tập, anh đồng ý để cả 02 cháu cho chị O nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận việc chị O chưa yêu cầu anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung - công nợ chung : Không có;

Tuy nhiên, khi được yêu cầu đến Toà làm việc đúng ngày giờ thì anh D không đến và cho rằng bận làm ăn. Do có địa chỉ rõ ràng, Tòa đã ủy thác cho Tòa án nhân dân khu vực 18, thành phố Hồ Chí Minh lấy lời khai của anh D thì quan điểm của anh D cũng như trên đã nêu. Đồng thời vì anh bận làm ăn không về Tòa để giải quyết được nên anh đồng ý xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng và xin xét xử vắng mặt anh theo quan điểm anh đã nêu trong bản tự khai.

Vì anh D không về Tòa giải quyết nên chị O đã có đơn đề nghị Tòa không cần tiến hành thủ tục cho giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nữa mà điều tra xác minh, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử giải quyết cho chị được ly hôn anh D theo đúng pháp luật.

Các bên đều không thay đổi quan điểm nên việc Quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và theo đúng quy định của pháp luật .

3. Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Quá trình giải quyết: Thẩm phán, hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn lúc đầu chưa thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định nhưng về sau cũng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định. Về nội dung: Đối với quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Phạm Thị O phù hợp với các tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị và anh D là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều

56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Phạm Thị O được ly hôn anh Bùi Văn D. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Thị KH, sinh ngày 05/5/2012 và Bùi Thị KA, sinh ngày 27/10/2019. Hiện chị O đã đưa cả 02 con về quê ngoại sinh sống và học tập; Các cháu muốn ở với mẹ và anh D đồng ý nên: Giao cả 02 cháu cho chị O nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận sự tự nguyện của chị O chưa yêu cầu anh Bùi Văn D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung - công nợ: Không có nên không đề cập. Về trách nhiệm nộp án phí: Chị O xin tự nguyện chịu án phí sơ thẩm nên áp dụng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Phạm Thị O và bị đơn anh Bùi Văn D, trước cùng trú tại xóm Q, xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Nay là xóm Q, xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ*). Sau cả vợ chồng đều vào Bình Dương làm ăn ; sau mâu thuẫn lại về quê nên chị Phạm Thị O khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh Bùi Văn D là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết anh Bùi Văn D đã thực hiền quyền và nghĩa vụ của mình và xin xét xử vắng mặt. Vì vậy: việc xử vắng mặt anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị O và anh Bùi Văn D chung sống và kết hôn với nhau tháng 8/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (*Nay là xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ*). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì xung đột xảy ra: Lúc đầu vợ chồng đổ lỗi cho bố mẹ và gia đình nhà chồng khó tính nên cả hai vợ chồng chuyển vào Bình Dương sinh sống nhưng mâu thuẫn thực sự là do từ hai vợ chồng O D; Họ thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do tính tình không hợp, vợ chồng không chịu nhường nhịn nhau khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Cả hai đổ lỗi cho nhau không chịu thay đổi và cho rằng bên kia không hề quan tâm đến vợ (chồng) và gia đình mình. Vì mâu thuẫn, chị O ôm hai con bỏ về quê ngoại ở Thanh Hóa sinh sống; Anh D bỏ mặc không quan tâm; Tình cảm vợ chồng và gia đình đã không còn từ lâu; Vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Xét hôn nhân giữa chị Phạm Thị O và anh Bùi Văn D từ sau khi kết hôn được một thời gian vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng không thể hòa hợp; anh D và chị O không hợp tính cách; vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không có con chung nhưng anh chị không có giải pháp gì để vợ (chồng) mình tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc; Hiện cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Phạm Thị O được ly hôn anh Bùi Văn D là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Thị KH, sinh ngày 05/5/2012 và Bùi Thị KA, sinh ngày 27/10/2019. Hiện chị O đã đưa cả 02 con về quê ngoại Thanh Hóa sinh sống và học tập; Nguyện vọng của các cháu muốn ở với mẹ, đang được mẹ chăm lo cuộc sống và học tập đầy đủ, được phát triển bình thường - anh D cũng đồng ý. Vì vậy: Để không ảnh hưởng và sáo trộn cuộc sống của nguyên đơn và các con nên: Giao cả 02 cháu Bùi Thị KH và Bùi Thị KA cho chị Phạm Thị O nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận sự tự nguyện của chị O chưa yêu cầu anh Bùi Văn D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[4]Về tài sản chung – công nợ chung : Nguyên đơn xác định không có và không đề nghị Toà giải quyết. Đây là ý chí của đương sự nên Toà không đề cập.

[5]Về án phí: Chị Phạm Thị O xin tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm: Sự tự nguyện này phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án nên chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Điều 81,82,83 ; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị O được ly hôn với anh Bùi Văn D.

[2]-Về con chung: Vợ chồng có 02 con. Giao cả 02 cháu Bùi Thị KH và Bùi Thị KA cho chị Phạm Thị O nuôi dưỡng giáo dục và chấp nhận sự tự nguyện của chị O chưa yêu cầu anh Bùi Văn D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền thăm nom chăm sóc con chung được đảm bảo theo pháp luật.

[3]Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[4]- Về án phí: Chị Phạm Thị O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Thi hành án Dân sự Phú Thọ theo biên lai số: 0005993 ngày 26/11/2025, nay không phải nộp thêm.

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày xét xử . Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày kết quả xét xử được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lạc-Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng